



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

HCMC University of Technical Education





TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH
HCMC University of Technology and Education

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

cuu duong than cong. com

Giảng viên: **Trần Minh Toàn**

Thạc sĩ Luật kinh tế

Điện thoại/email: lawyertoan@gmail.com

Học kỳ: **I / 2015 - 2016**

BÀI 3

QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN

QUY PHẠM PHÁP LUẬT XHCN

cuu duong than cong. com

NỘI DUNG BÀI HỌC

2.1. Hình thức pháp luật

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các loại hình thức PL

2.2. Quy phạm pháp luật:

2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật

2.2.2. Cấu trúc quy phạm pháp luật

2.2.3. Phân loại quy phạm pháp luật

2.3. Văn bản quy phạm pháp luật:

2.3.1. Khái niệm và đặc điểm văn bản QPPL

2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3. Hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Hình thức pháp luật

2.1.1. Khái niệm:

HTPL là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật

2.1.2. Các loại hình thức PL

- Tập quán pháp
- Tiền lệ pháp
- Văn bản QPPL

2.1.2.1 Tập quán pháp

- Là hình thức pháp luật trong đó NN thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong XH
- Phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, lợi ích của XH
- Nâng lên thành những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
- Được NN đảm bảo thực hiện
- Áp dụng phổ biến trong Pháp luật chủ nô, phong kiến, tư sản

2.1.2.2 Tiền lệ pháp

- Là hình thức pháp luật trong đó NN thừa nhận một số quyết định của cơ quan hành chính và cơ quan xét xử trong khi giải quyết các vụ việc xảy ra,
- Rồi lấy đó làm mẫu cho cách giải quyết đối với các vụ việc khác tương tự xảy ra sau đó.

cuu duong than cong. com

2.1.2.3 Văn bản quy phạm pháp luật

- Là những văn bản pháp luật do cơ quan NN có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, trong đó chứa đựng các quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần trong đời sống XH.

cuu duong than cong. com

I. Quy phạm pháp luật (QPPL)

1. Khái niệm, đặc điểm của QPPL

1.1 Khái niệm

- Là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
- Do cơ quan NN có thẩm quyền ban hành
- Được NN đảm bảo thực hiện.
- Điều chỉnh QHXX theo định hướng và mục đích nhất định.

1.2 Đặc điểm

1. Là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
2. Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện.
3. Chỉ ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ mà nó điều chỉnh
4. QPPL được thể hiện dưới các hình thức xác định.
5. Nội dung QPPL thường được thể hiện dưới dạng cho phép hoặc bắt buộc.
6. Có tính hệ thống.

2. Cấu trúc (cơ cấu) của QPPL

2.1 Bộ phận giả định

- Là bộ phận nêu lên tình huống (điều kiện, hoàn cảnh) có thể xảy ra trong thực tế,
- Và khi chủ thể nào ở vào tình huống đó thì phải thể hiện cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật.
- VD: cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ..., chăm lo việc học tập và sự phát triển lành mạnh của con..., (điều 34 luật HNGĐ).

Phân loại

- **Giả định đơn giản**: nêu lên một hoàn cảnh, điều kiện
- Vd: Điều 9 Luật Giao thông đường bộ: người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình...
- **Giả định phức tạp**: (nêu lên nhiều điều kiện, hoàn cảnh và giữa chúng có mối liên hệ với nhau)
- VD: K1, Đ100, người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. (Tội bức tử, BLHS)

2.2 Bộ phận quy định

- Là bộ phận của QPPL trong đó nêu lên cách xử sự mà cá nhân hay tổ chức ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong bộ phận giả định được phép hoặc buộc phải thực hiện.
- Được xây dựng theo mô hình: cấm làm gì, phải làm gì, được làm gì, làm như thế nào?
- Vd: điều 165 Bộ luật TTDS: “người khởi kiện *phải gửi kèm theo đơn khởi kiện tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho những yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”.

Phân loại

- Căn cứ vào mệnh lệnh được nêu trong phần quy định:
- **Quy định dứt khoát**: là quy định chỉ nêu lên một cách xử sự và các chủ thể buộc phải tuân theo.
- VD: “*chứng cứ đã được giao nộp tại toà án thì việc bảo quản chứng cứ đó do toà án chịu trách nhiệm*” (K1, Đ95 BLTTDS).
- **Quy định không dứt khoát**: là nêu ra 2 hoặc nhiều cách xử sự và cho phép chủ thể có thể lựa chọn:
- VD: điều 8 Luật HNGĐ “*việc kết hôn phải do uỷ ban nhân dân cơ sở nơi thường trú của bên nam hoặc bên nữ công nhận*”

2.3 Bộ phận chế tài

- Là bộ phận của QPPL nêu lên các biện pháp tác động mà NN dự kiến áp dụng đối với chủ thể nào không thực hiện đúng mệnh lệnh của NN đã nêu ở bộ phận quy định của QPPL.
- Căn cứ vào khả năng lựa chọn biện pháp áp dụng: có 2 loại sau:
- **Chế tài cố định**: là chế tài trong đó nêu chính xác cụ thể biện pháp tác động sẽ áp dụng đối với chủ thể VPPL.
- **Chế tài không cố định**: nêu lên nhiều biện pháp chế tài or một biện pháp chế tài nhưng nhiều mức để chủ thể ADPL có thể lựa chọn.

3. Cách thức thể hiện QPPL trong các điều luật

- Một QPPL có thể trình bày trong 1 điều luật:
- Trong 1 điều luật có thể có nhiều QPPL
- Trật tự các bộ phận của QPPL có thể bị đảo lộn.
- Không nhất thiết phải có đủ 3 bộ phận trong 1 QPPL

4. Phân loại QPPL

- Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh:
 - - QPPL HS
 - - QPPL DS
 - - QPPL HC...

4. Phân loại QPPL (tt)

- **Căn cứ vào nội dung QPPL:**
- **QPPL định nghĩa:** là QP có nội dung giải thích, xác định một vấn đề nào hay hoạt đó hay nêu lên một khái niệm pháp lý.
- **QPPL điều chỉnh:** là QP có nội dung trực tiếp điều chỉnh hành vi của con người hay hoạt động của các tổ chức.
- **QPPL bảo vệ:** là QP có nội dung xác định các biện pháp cưỡng chế nhà nước liên quan đến TNPL.

4. Phân loại QPPL (tt)

- **Căn cứ vào hình thức mệnh lệnh nêu trong QPPL:**
- **QPPL dứt khoát:** là QPPL chỉ quy định một cách xử sự rõ ràng dứt khoát. [duong than cong. com](http://duongthancong.com)
- Vd: K2 Điều 104 BLDS 2005 hình thức hợp đồng dân sự.
- **QPPL không dứt khoát:** là QP mà trong đó phần quy định của QPPL nêu lên hai hay nhiều cách thức xử sự khác nhau cho phép các chủ thể lựa chọn (k1 điều 104 BLDS 2005). CuuDuongThanCong.com

4. Phân loại QPPL (tt)

- **Căn cứ theo cách thức thể hiện phần quy định của QPPL:**
- **QPPL bắt buộc**: Quy định cho chủ thể nghĩa vụ phải thực hiện một số hành vi nhất định.
- **QPPL cấm đoán**: Quy định những hành vi chủ thể không được thực hiện.
- **QPPL cho phép**: Cho phép chủ thể có khả năng tự chọn cách thức xử sự.

5. Các loại văn bản QPPL ở Việt Nam

Khái niệm Văn bản QPPL:

- Là văn bản do cơ quan NN có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định
- Trong đó có các quy tắc xử sự chung
- Được NN bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các QHXX theo định hướng nhất định

5.1 Văn bản luật

- Là những văn bản do Quốc hội ban hành, có giá trị pháp lý cao nhất
- Có 3 loại:
 - Hiến pháp,
 - Nghị quyết
 - Các đạo luật, bộ luật

5.2 Văn bản dưới luật

- Là những văn bản pháp luật do các cơ quan NN có thẩm quyền (ngoại trừ Quốc hội) ban hành.
- Có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật
- Được ban hành trên cơ sở văn bản luật và phù hợp với văn bản luật

CÁC LOẠI VĂN BẢN QPPL

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (**Đ4** Luật BHVBQPPL 2015)

6. Hệ thống pháp luật

6.1 Khái niệm:

- Là tổng thể các QPPL có mối quan hệ nội tại, thống nhất với nhau
- Được phân định thành các ngành luật, chế định luật
- Được thể hiện trong các văn bản do cơ quan NN có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục nhất định

6.2. Cấu trúc của hệ thống Pháp luật

6.2.1 Cấu trúc bên ngoài:

- Được thể hiện ở hệ thống các văn bản QPPL có giá trị pháp lý cao thấp khác nhau, do các cơ quan NN có thẩm quyền ban hành

6.2.2 Cấu trúc bên trong

- Quy phạm Pháp luật
- Chế định Pháp luật
- Ngành luật

6.3. Tiêu chuẩn đánh giá sự hoàn thiện của Hệ thống pháp luật

1. Tính toàn diện
2. Tính phù hợp
3. Tính đồng bộ
4. Trình độ kỹ thuật pháp lý

cuu duong than cong. com

Thank you !

cuu duong than cong. com